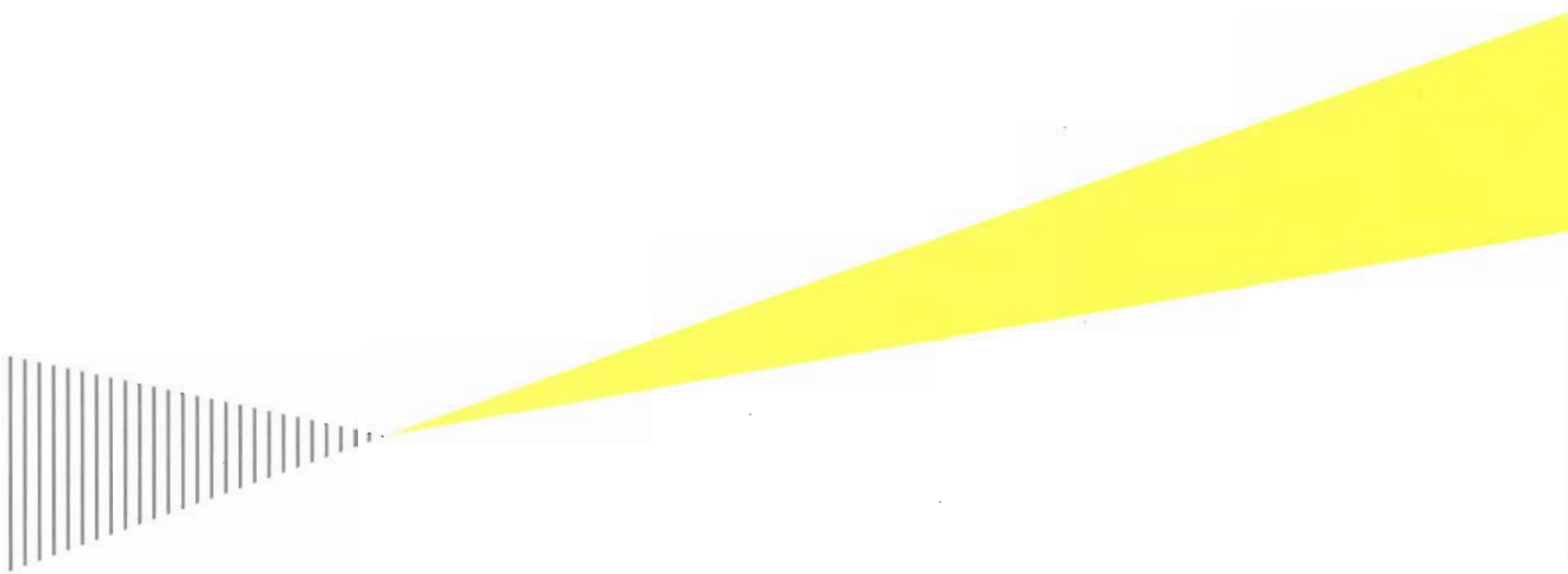

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 44

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các Giấy phép điều chỉnh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

Giấy Chứng nhận Đăng ký

kinh doanh điều chỉnh số Nội dung điều chỉnh

Ngày

32/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng	Ngày 15 tháng 8 năm 2007
147/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng	Ngày 8 tháng 8 năm 2008
312/UBCK-GP	Chuyển trụ sở chính	Ngày 11 tháng 3 năm 2010
347/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng	Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 3 chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tới ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Miên Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2014
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Nữ Tường Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2014
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014
Ông Trần Tấn Lộc	Thành viên	Từ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tới ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Ông Đào Công Thắng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	Từ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tới ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hiếu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
Ông Nguyễn Minh Nhật	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Chí Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2013
Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tới ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Miên Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người ký báo cáo tài chính của Công ty là ông Nguyễn Hiếu, chức danh Tổng Giám đốc, theo ủy quyền của ông Nguyễn Miên Tuấn tại Quyết định số 23/2012/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Số tham chiếu: 60752721/17058293

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 2 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.074.235.816.723	658.391.013.880
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	315.516.672.633	209.168.491.183
111	1. Tiền		315.516.672.633	209.168.491.183
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		152.792.400.716	55.569.360.319
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6	181.742.066.774	80.582.127.076
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(28.949.666.058)	(25.012.766.757)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	470.376.364.592	392.427.138.255
131	1. Phải thu khách hàng		253.500.000	38.500.000
132	2. Trả trước cho người bán		1.633.833.400	43.480.000
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		456.234.065.034	266.491.753.221
138	4. Các khoản phải thu khác		33.975.665.389	143.407.120.195
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(21.720.699.231)	(17.553.715.161)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		135.550.378.782	1.226.024.123
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		782.611.182	612.678.506
154	2. Thuế và các khoản phải thu		2.071.968	2.624.212
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	134.765.695.632	610.721.405
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		26.399.924.782	26.811.399.072
220	I. Tài sản cố định		12.852.015.745	14.238.981.900
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	8.183.558.724	7.999.805.030
222	Nguyên giá		27.298.827.961	24.863.228.376
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.115.269.237)	(16.863.423.346)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.613.299.858	5.810.534.603
228	Nguyên giá		10.124.060.628	10.080.247.524
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.510.760.770)	(4.269.712.921)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	13	55.157.163	428.642.287
260	II. Tài sản dài hạn khác		13.547.909.037	12.572.417.172
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	171.571.592	847.874.558
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	15	10.154.335.213	8.413.836.382
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	3.222.002.232	3.310.706.232
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.100.635.741.505	685.202.412.952

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		758.174.461.507	447.973.245.760
310	I. Nợ ngắn hạn		757.517.520.507	447.241.749.760
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	284.833.623.695	252.272.409.000
312	2. Phải trả người bán		364.385.438	626.038.892
313	3. Người mua trả tiền trước		655.000.000	700.500.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.739.413.715	577.629.310
315	5. Phải trả người lao động		7.796.755	7.796.755
316	6. Chi phí phải trả	19	9.146.797.514	3.929.981.737
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	388.936.491.298	122.646.492.878
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	21	69.206.784.606	63.574.062.482
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.627.227.486	2.906.838.706
330	II. Nợ dài hạn		656.941.000	731.496.000
333	1. Phải trả dài hạn khác		656.941.000	731.496.000
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		342.461.279.998	237.229.167.192
410	I. Vốn chủ sở hữu		342.461.279.998	237.229.167.192
411	1. Vốn cổ phần	22.1	349.799.870.000	349.799.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.476.130.000	33.476.130.000
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275
419	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275
420	5. Lỗ lũy kế		(45.129.036.552)	(150.361.149.358)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.100.635.741.505	685.202.412.952

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
006	1. Chứng khoán lưu ký	8.566.360.340.000	7.804.516.680.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	4.066.756.950.000	3.192.980.540.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	27.285.150.000	14.729.540.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	4.014.783.050.000	3.149.146.940.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	24.688.750.000	29.104.060.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	41.481.430.000	27.606.360.000
014	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	41.481.430.000	27.606.360.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố	3.590.899.670.000	3.954.263.680.000
018	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	6.800.000.000	-
019	1.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	3.584.099.670.000	3.954.263.680.000
027	1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	75.538.320.000	31.304.310.000
028	1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
029	1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	75.538.320.000	31.204.210.000
030	1.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	100.100.000
032	1.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
034	1.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	-	-

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
037	1.6. Chứng khoán chờ giao dịch	1.895.610.000	4.308.000.000
038	1.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	120.000	30.000
039	1.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	1.886.690.000	4.282.100.000
040	1.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	8.800.000	25.870.000
042	1.7. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	789.788.360.000	594.053.790.000
044	1.7.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	789.788.360.000	594.053.790.000
050	2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	159.661.510.000	284.975.670.000
	Trong đó:		
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	156.719.710.000	282.191.270.000
052	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	7.570.000	5.590.000
053	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	151.325.970.000	274.945.710.000
054	2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	5.386.170.000	7.239.970.000
056	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	2.261.400.000	2.261.400.000
058	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	2.261.400.000	2.261.400.000
071	2.3. Chứng khoán chờ thanh toán	680.400.000	523.000.000
073	2.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	680.400.000	523.000.000
083	3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	50.893.950.000	30.893.950.000

Người lập:

Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

10/2 CH NS V 10/1

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02-CTCK

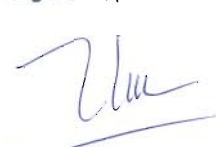
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	23	228.608.068.452	96.410.599.428
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		63.660.414.103	26.987.764.657
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		96.379.810.614	28.447.517.516
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		7.766.820.285	-
01.5	Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư		6.736.665.529	10.358.495.459
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		3.887.731.769	3.622.358.543
01.9	Doanh thu khác		50.176.626.152	26.994.463.253
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		228.608.068.452	96.410.599.428
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	24	(82.623.477.613)	(57.756.642.034)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		145.984.590.839	38.653.957.394
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(41.738.538.342)	(32.175.404.573)
30	7. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		104.246.052.497	6.478.552.821
31	8. Thu nhập khác		986.060.309	1.489.932.591
32	9. Chi phí khác		-	(46.455.461)
40	10. Lợi nhuận khác		986.060.309	1.443.477.130
50	11. Tổng lãi trước thuế		105.232.112.806	7.922.029.951
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	(6.384.932.543)
60	14. Lãi sau thuế TNDN		105.232.112.806	1.537.097.408
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	3.008	44

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:







Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B03-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lãi trước thuế		105.232.112.806	7.922.029.951
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao TSCĐ	11,12,13	4.023.384.954	5.049.419.962
05	- Các khoản dự phòng	7,9	8.103.883.371	(39.711.560.853)
06	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.338.049.130)	(7.372.901.100)
08	- Chi phí lãi vay	24	30.724.919.340	28.870.662.737
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		144.746.251.341	(5.242.349.303)
09	- Tăng các khoản phải thu		(219.181.928.390)	(7.171.924.361)
10	- (Tăng)/giảm chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn		(101.159.939.698)	31.682.263.040
11	- Giảm các khoản phải trả		200.243.066.320	236.009.885
12	- Giảm các khoản chi phí trả trước		506.370.290	44.587.772
13	- Lãi vay đã trả		(30.684.545.702)	(28.794.998.739)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.740.498.831)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh chứng khoán		(7.271.224.670)	(9.246.411.706)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	11	(2.636.418.799)	(496.542.996)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	410.909.092
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.338.049.130	4.006.963.505
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.701.630.331	3.921.329.601

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay ngắn hạn		4.554.657.818.284	341.572.629.453
34	2. Tiền chi trả nợ vay ngắn hạn		(4.522.096.603.589)	(336.300.220.453)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		32.561.214.695	5.272.409.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		28.991.620.356	(52.673.105)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	27.463.280.519	27.515.953.624
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	56.454.900.875	27.463.280.519

Người lập:



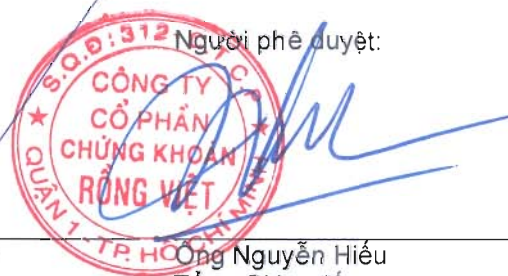
Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK

VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Biến động trong năm				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2013	Ngày 1 tháng 1 năm 2014	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn cổ phần		349.799.870.000	349.799.870.000	-	-	-	-	349.799.870.000	349.799.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		33.476.130.000	33.476.130.000	-	-	-	-	33.476.130.000	33.476.130.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275	-	-	-	-	2.157.158.275	2.157.158.275
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275	-	-	-	-	2.157.158.275	2.157.158.275
5. Lỗ lũy kế		(151.898.246.766)	(150.361.149.358)	1.537.097.408	-	105.232.112.806	-	(150.361.149.358)	(45.129.036.552)
TỔNG CỘNG		235.692.069.784	237.229.167.192	1.537.097.408	-	105.232.112.806	-	237.229.167.192	342.461.279.998

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và theo các Giấy phép điều chỉnh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

Giấy Chứng nhận

Đăng ký kinh doanh

<i>Điều chỉnh số</i>	<i>Nội dung điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
32/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng	Ngày 15 tháng 8 năm 2007
147/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng	Ngày 8 tháng 8 năm 2008
312/UBCK-GP	Chuyển trụ sở chính	Ngày 11 tháng 3 năm 2010
347/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng	Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 349.799.870.000 đồng.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 3 chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 173 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 157 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành như sau:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-GTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra, không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 146/2014/TT-BTC quy định về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Ngày 6 tháng 10 năm 2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") quy định về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn. Thông tư 146 có hiệu lực từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 và được áp dụng kể từ năm tài chính 2014.

Thông tư 146 bổ sung quy định về việc xác định giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và chứng khoán đăng ký giao dịch tại UpCom, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư. Tuy nhiên, các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư này sẽ được loại khỏi khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền cho mục đích lập báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Dự phòng cho các khoản phải thu được lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Nhãn hiệu hàng hóa bao gồm các chi phí để xây dựng chuỗi nhận dạng thương hiệu của Công ty.

Bản quyền bao gồm các chi phí mua bản quyền phần mềm tin học ứng dụng văn phòng và phục vụ giao dịch chứng khoán.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	6 - 8 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	5 năm
Bản quyền	5 năm
Tài sản vô hình khác	5 năm

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến năm (5) năm vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí vật dụng văn phòng.

3.9 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại. Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thực tế trên thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào "Chi phí hoạt động kinh doanh trong năm"

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Lợi ích của nhân viên

3.12.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.12.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện

Theo Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của sáu tháng liền kề của người lao động trước khi thôi việc.

3.12.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Doanh thu sẽ được ghi nhận khi các dịch vụ được cung cấp và được xác nhận bằng thỏa thuận giữa hai bên.

3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế TNDN hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả liên quan tới thuế TNDN được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	66.397.022	50.247.546
Tiền gửi ngân hàng	309.082.764.191	200.365.359.321
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	6.367.511.420	8.752.864.316
TỔNG CỘNG	315.516.672.633	209.168.491.183

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Nhằm mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VNĐ	
Tiền mặt	66.397.022	50.247.546
Tiền gửi ngân hàng	309.082.764.191	200.365.359.321
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	6.367.511.420	8.752.884.316
	<u>315.516.672.633</u>	<u>209.168.491.183</u>
Trừ:		
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 20)	(196.815.558.478)	(118.164.686.664)
Tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 21)	(62.246.133.400)	(63.540.524.000)
Cổ tức của nhà đầu tư	(79.880)	-
	<u>(259.061.771.758)</u>	<u>(181.705.210.664)</u>
TỔNG CỘNG	<u>56.454.900.875</u>	<u>27.463.280.519</u>

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng chứng khoán thực hiện trong năm Đơn vị cổ phiếu	Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VNĐ
Của Công ty	32.559.789	2.376.729.346.862
Cổ phiếu	32.459.789	575.729.346.862
Chứng chỉ quỹ	100.000	1.000.000.000
Kỳ phiếu	-	1.800.000.000.000
Của nhà đầu tư	1.425.471.343	21.280.115.127.250
Cổ phiếu	1.424.965.038	21.235.306.017.700
Trái phiếu	450.555	44.254.225.550
Chứng chỉ quỹ	55.750	552.884.000
TỔNG CỘNG	<u>1.458.031.132</u>	<u>23.656.844.474.112</u>

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Tình hình tăng giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VNĐ			
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)	80.582.127.076	1.238.444.643.280	(1.137.284.703.582)	181.742.066.774

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

VND

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ kế toán		Số với giá trị thực tế trên thị trường				Tổng giá trị thực tế trên thị trường	
					Tăng		Giảm			
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013		
Cổ phiếu niêm yết										
CTCP Kinh Đô (KDC)	500.044	59	29.955.561.035	2.455.408	-	553.592	5.003.365.435	-	24.952.195.600	3.009.000
CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB)	695.881	685.981	27.775.100.857	27.488.990.857	-	-	5.785.261.257	12.877.595.557	21.989.839.600	14.611.395.300
Tập đoàn Vingroup - CTCP (VIC)	340.027	26	16.654.194.557	1.620.698	-	199.302	434.906.657	-	16.219.287.900	1.820.000
CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	400.035	4	8.447.026.956	89.195	393.746.544	-	-	7.195	8.840.773.500	82.000
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ (FPT)	150.001	100.022	7.435.236.634	4.853.974.426	-	-	235.188.634	142.938.226	7.200.048.000	4.711.036.200
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc- CTCP (KBC)	450.015	15	6.878.135.351	120.351	277.103.149	26.649	-	-	7.155.238.500	147.000
CTCP Tasco (HUT)	430.040	40	5.882.382.800	262.800	224.185.200	49.200	-	-	6.106.568.000	312.000
Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PET)	226.226	9	4.377.333.070	119.070	305.545.130	68.130	-	-	4.682.878.200	187.200
CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH)	234.006	6	3.129.863.828	63.828	29.217.172	24.972	-	-	3.159.081.000	88.800
CTCP Sữa Việt Nam (VNM)	5	25.012	514.985	3.516.608.834	-	-	37.485	139.988.834	477.500	3.376.620.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	35	500.855	280.230	3.605.716.499	3.270	-	-	199.902.499	283.500	3.405.814.000
CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)	-	150.000	-	1.605.000.000	-	-	-	225.000.000	-	1.380.000.000
Khác	227.709	11.264	8.728.409.730	163.354.469	250.230.854	27.202.116	654.903.924	47.484.885	8.323.736.660	143.071.700
	3.654.024	1.473.293	119.264.040.033	41.238.376.435	1.480.031.319	28.123.961	12.113.663.392	13.632.917.196	108.630.407.960	27.633.583.200

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

VNĐ

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị thực tế trên thị trường				Tổng giá trị thực tế trên thị trường	
					Tăng		Giảm			
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Cổ phiếu chưa niêm yết										
CTCP Bất động sản Exim (EXIMLAND)	2.000.000	-	34.000.000.000	-	-	-	8.000.000.000	-	26.000.000.000	-
CTCP Kiến trúc Xây dựng Nhà Vui (NHAVUI)	670.500	670.500	8.485.603.400	8.524.600.000	-	-	3.792.103.400	1.819.600.000	4.693.500.000	6.705.000.000
CTCP Bảo hiểm Hùng Vương (BHV)	900.000	900.000	7.233.604.580	7.233.604.580	-	-	-	-	7.233.604.580	7.233.604.580
CTCP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú (DORUFOAM)	450.000	450.000	4.450.000.000	4.500.000.000	-	-	2.200.000.000	1.125.000.000	2.250.000.000	3.375.000.000
CTCP XNK Thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX)	461.895	461.895	3.933.297.000	3.972.297.000	-	-	1.161.927.000	-	2.771.370.000	3.972.297.000
CTCP Đầu tư và Phát triển Miền Trung (CER)	132.000	132.000	2.472.272.700	2.610.000.000	-	-	1.680.272.700	1.158.000.000	792.000.000	1.452.000.000
CTCP Sành sứ Thủy tinh Việt Nam (SANHSUTTVN)	475.000	475.000	1.900.000.000	12.500.000.000	-	-	-	7.275.000.000	1.900.000.000	5.225.000.000
Khác	266	266	3.249.061	3.249.061	17.842	-	1.699.566	2.249.561	1.567.337	999.500
	5.089.661	3.089.661	62.478.026.741	39.343.750.641	17.842	-	16.836.002.666	11.379.849.561	45.642.041.917	27.963.901.080
TỔNG CỘNG	8.743.685	4.562.954	181.742.066.774	80.582.127.076	1.480.049.161	28.123.961	28.949.666.058	25.012.766.757	154.272.449.877	55.597.484.280

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn		
Cổ phiếu niêm yết	12.113.663.392	13.632.917.196
Cổ phiếu chưa niêm yết	16.836.002.666	11.379.849.561
TỔNG CỘNG	28.949.666.058	25.012.766.757

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25.012.766.757	64.988.544.882
Tăng trong năm (Thuyết minh số 24)	27.645.783.063	12.413.810.907
Hoàn nhập trong năm (Thuyết minh số 24)	(23.708.883.762)	(52.389.589.032)
Số cuối năm	28.949.666.058	25.012.766.757

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu khách hàng	38.500.000	-	-	440.500.000	225.500.000	253.500.000	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	43.480.000	-	-	5.879.457.947	4.289.104.547	1.633.833.400	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	266.491.753.221	-	-	4.368.688.247.398	4.178.945.935.585	456.234.065.034	-	-	19.742.490.753
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	1.712.920.279	-	-	35.045.653.110	33.695.075.676	3.063.497.713	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	18.720.119.248	-	-	2.587.768.507.554	2.573.356.345.820	33.132.280.982	-	-	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ và hợp tác đầu tư (*)	246.058.573.694	-	-	1.690.423.171.239	1.571.643.458.594	364.838.286.339	-	-	19.742.490.753
- Phải thu Sở giao dịch chứng khoán (**)	-	-	-	55.450.915.495	250.915.495	55.200.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	140.000	-	-	-	140.000	-	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	143.407.120.195	-	1.978.208.478	85.963.859.727	195.395.314.533	33.975.665.389	-	1.978.208.478	1.978.208.478
- Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	16.927.776.161	-	-	32.726.712.769	31.373.965.629	18.280.523.301	-	-	-
- Khoản phải thu nhân viên	1.978.208.478	-	1.978.208.478	-	-	1.978.208.478	-	1.978.208.478	1.978.208.478
- Ủy thác đầu tư	47.556.703.914	-	-	77.939	47.556.781.853	-	-	-	-
- Cổ tức	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000	-	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	73.944.431.642	-	-	53.237.069.019	113.464.567.051	13.716.933.610	-	-	-
TỔNG CỘNG	409.980.853.416	-	1.978.208.478	4.460.972.065.072	4.378.855.854.665	492.097.063.823	-	1.978.208.478	21.720.699.231

(*) Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho một số khoản phải thu về nghiệp vụ hợp tác đầu tư dựa trên mức chênh lệch giữa giá trị tài sản đảm bảo và khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(**) Đây là khoản phải thu liên quan đến tiền đặt cọc và tiền thanh toán đấu giá để mua cổ phiếu theo chỉ định của nhà đầu tư. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện việc tạm ứng cho nhân viên để tham gia đấu giá mua cổ phiếu nêu trên nhằm đảm bảo số lượng cổ phiếu được yêu cầu trong hợp đồng mỗi giới (Thuyết minh số 10).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.553.715.161	17.289.497.889
Số trích lập trong năm (Thuyết minh số 25)	4.166.984.070	264.217.272
Số cuối năm	21.720.699.231	17.553.715.161

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài khoản này bao gồm các khoản tiền tạm ứng cho nhân viên chưa thanh toán, các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	134.728.145.632	573.171.405
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	37.550.000	37.550.000
TỔNG CỘNG	134.765.695.632	610.721.405

Bao gồm trong khoản tạm ứng cho nhân viên là khoản tạm ứng để thanh toán tiền đầu giá mua cổ phiếu theo chỉ định của nhà đầu tư với tổng số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 131.874 triệu đồng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ		
	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	20.716.542.276	4.146.686.100	24.863.228.376
Mua trong năm	2.636.418.799	-	2.636.418.799
Giảm do thanh lý	(200.819.214)	-	(200.819.214)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	23.152.141.861	4.146.686.100	27.298.827.961
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	9.609.953.521	1.820.189.100	11.430.142.621
Giá trị hao mòn			
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	13.743.237.030	3.120.186.316	16.863.423.346
Khấu hao trong năm	2.051.683.448	400.981.657	2.452.665.105
Giảm do thanh lý	(200.819.214)	-	(200.819.214)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	15.594.101.264	3.521.167.973	19.115.269.237
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	6.973.305.246	1.026.499.784	7.999.805.030
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.558.040.597	625.518.127	8.183.558.724

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm tin học	Nhãn hiệu hàng hóa	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	8.349.362.903	307.500.192	964.693.751	458.690.678	10.080.247.524
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 13)	-	-	-	43.813.104	43.813.104
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	8.349.362.903	307.500.192	964.693.751	502.503.782	10.124.060.628
Trong đó: Đã khấu hao hết	174.711.000	-	964.693.751	167.503.782	1.306.908.533
Giá trị hao mòn					
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	2.803.620.044	199.875.119	964.693.751	301.524.007	4.269.712.921
Khấu hao trong năm	1.056.734.701	61.500.042	-	122.813.106	1.241.047.849
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.860.354.745	261.375.161	964.693.751	424.337.113	5.510.760.770
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	5.545.742.859	107.625.073	-	157.166.671	5.810.534.603
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	4.489.008.158	46.125.031	-	78.166.669	4.613.299.858

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm các chi phí xây dựng hệ thống bảng giá điện tử và các trang thông tin điện tử hỗ trợ cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Khoản mục này thể hiện các khoản chi phí mua phần mềm lõi chứng khoán và các chi phí trực tiếp khác liên quan đến việc triển khai xây dựng phần mềm lõi này để phục vụ cho quản lý hoạt động Công ty trong lĩnh vực chứng khoán, chi tiết như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	428.642.267	413.941.541
Tăng trong năm	-	14.700.726
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(329.672.000)	-
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 12)	(43.813.104)	-
Số cuối năm	55.157.163	428.642.267

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Chi phí trả trước trang thiết bị nội thất	100.829.590	556.193.236
Chi phí trả trước thi công, lắp đặt bảng hiệu, hệ thống cáp mạng, hệ thống điện, phần mềm	70.742.002	291.681.322
TỔNG CỘNG	171.571.592	847.874.558

Tình hình phân bổ chi phí trả trước trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	847.874.558	1.611.136.509
Phân bổ trong năm	(676.302.966)	(763.261.951)
Số cuối năm	171.571.592	847.874.558

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	8.413.836.382	6.324.959.894
Tiền nợ bổ sung	816.976.151	1.408.189.258
Tiền lãi nhận được	923.522.680	680.687.230
Số cuối năm	10.154.335.213	8.413.836.382

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài khoản này thể hiện các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty.

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ	Tài sản đảm bảo
Vay ngân hàng (*)					
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam					
- Vay thấu chi phục vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1-7 ngày	10	23.132.280.982		- Tín chấp
- Vay bổ sung vốn kinh doanh	3-6 tháng	10	60.000.000.000	24.000.000.000	Cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín					
- Vay hạn mức phục vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1-7 ngày		10.000.000.000		- Cổ phiếu
- Vay bổ sung vốn kinh doanh	3-6 tháng	10	131.701.342.713	40.000.000.000	Cổ phiếu
Nhận góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư					
Nhận từ tổ chức	3-6 tháng	9,5 - 10	60.000.000.000	125.000.000.000	Tín chấp
Nhận từ cá nhân			-	63.272.409.000	Tín chấp
TỔNG CỘNG			284.833.623.695	252.272.409.000	

(*) Đây là các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng để phục vụ cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng số tiền phải thu từ việc bán chứng khoán của nhà đầu tư, toàn bộ chứng khoán ký quỹ của nhà đầu tư và các lợi ích có liên quan đến các chứng khoán này (cổ tức phát sinh...) và một số chứng khoán tự doanh của Công ty (Thuyết minh số 29.5).

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	1.467.685.793	473.156.790
Thuế giá trị gia tăng	268.909.342	101.096.020
Thuế nhà thầu	2.818.580	3.376.500
TỔNG CỘNG	1.739.413.715	577.629.310

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ lương trích bổ sung cho năm 2014	4.800.000.000	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.500.000.000	-
Chi phí môi giới, phí lưu ký chứng khoán	1.061.410.942	607.391.152
Lãi vay và lãi hợp tác đầu tư phải trả	632.093.192	591.719.554
Lương tháng 13	-	1.642.831.959
Các khoản khác	1.153.293.380	1.088.039.072
TỔNG CỘNG	9.146.797.514	3.929.981.737

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	196.815.558.478	118.164.686.664
Tiền đặt cọc của khách hàng	187.635.222.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	29.181.790	25.531.484
Phải trả khác	4.456.529.030	4.456.274.730
TỔNG CỘNG	388.936.491.298	122.646.492.878

Khoản tiền đặt cọc của khách hàng cho Công ty được sử dụng để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng môi giới để mua cổ phiếu của một công ty mục tiêu.

21. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là khoản tiền giao dịch bù trừ của các giao dịch chứng khoán chờ đến ngày thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và các hoạt động giao dịch chứng khoán khác phải trả.

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	62.246.133.400	63.540.524.000
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tự doanh của Công ty	4.560.000.000	-
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	2.400.651.206	33.538.482
TỔNG CỘNG	69.206.784.606	63.574.062.482

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Vốn cổ phần

Chi tiết thành phần cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.800.000	38.000.000.000	10,86%
Lê Thị Ngọc Bích	2.576.595	25.765.950.000	7,37%
	6.376.595	63.765.950.000	18,23%
Các cổ đông khác	28.603.392	286.033.920.000	81,77%
TỔNG CỘNG	34.979.987	349.799.870.000	100%

22.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	34.979.987	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.979.987	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu phổ thông	34.979.987	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu phổ thông	34.979.987	34.979.987

23. DOANH THU

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán (*)	96.379.810.614	28.447.517.516
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	63.660.414.103	26.987.764.657
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	7.766.820.285	-
Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư	6.736.665.529	10.358.495.459
Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.887.731.769	3.622.358.543
Doanh thu khác	50.176.626.152	26.994.463.253
TỔNG CỘNG	228.608.068.452	96.410.599.428

(*) Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài Chính, các khoản kinh doanh hoạt động đầu tư chứng khoán khi có lãi (giá bán cao hơn giá trị sổ sách) sẽ được ghi nhận vào khoản mục doanh thu, khi lỗ (giá bán thấp hơn giá trị sổ sách) sẽ được ghi nhận vào khoản mục chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay và lãi hợp tác đầu tư	30.724.919.340	28.870.662.737
Chi phí nhân viên	19.411.375.919	13.941.384.097
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán (*)	11.652.161.655	41.497.490.544
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	7.025.269.421	5.658.024.667
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	4.218.024.295	3.807.762.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.987.350.686	2.007.076.256
Chi phí bằng tiền khác	1.731.586.510	793.905.822
Chi phí bảo lãnh phát hành chứng khoán	500.000.000	-
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	201.337.859	54.857.582
Chi phí tư vấn tài chính	55.500.000	-
Chi phí khác	1.179.052.627	1.101.255.711
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 7)	27.645.783.063	12.413.810.907
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 7)	(23.708.883.762)	(52.389.589.032)
TỔNG CỘNG	82.623.477.613	57.756.642.034

(*) Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài Chính, các khoản kinh doanh hoạt động đầu tư chứng khoán khi có lãi (giá bán cao hơn giá trị sổ sách) sẽ được ghi nhận vào khoản mục doanh thu, khi lỗ (giá bán thấp hơn giá trị sổ sách) sẽ được ghi nhận vào khoản mục chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán.

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên	17.010.623.734	12.842.787.125
Chi phí thuê nhà	7.651.588.000	8.728.184.435
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.166.984.070	264.217.272
Chi phí thuê ngoài khác	2.834.987.322	2.289.818.014
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.706.362.268	2.279.081.755
Chi phí điện nước	1.615.363.543	1.569.746.101
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	1.500.000.000	-
Chi phí bưu chính viễn thông	1.142.625.750	1.171.782.483
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	1.183.189.901	1.003.311.237
Chi phí bằng tiền khác	886.915.542	673.864.295
Chi phí khác	2.039.898.212	1.352.611.856
TỔNG CỘNG	41.738.538.342	32.175.404.573

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 22% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Công ty ước tính mức thuế TNDN trong năm 2014 như sau:

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	105.232.112.806	7.922.029.951
Trừ:		
Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(3.338.049.130)	(7.006.963.505)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(833.015.930)	-
Cộng:		
Các khoản chi phí khác không được khấu trừ	6.673.100.000	685.802.072
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	107.734.147.746	1.600.868.518
Lỗ các năm trước chuyển sang	(107.734.147.746)	(1.600.868.518)
Lợi nhuận tính thuế ước tính trong năm	-	-
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	-	-

Trong năm, Công ty đã trích trước quỹ lương bổ sung cho năm 2014 vào chi phí của năm và đang ghi nhận một khoản chi phí phải trả với tổng số tiền là 4.800.000.000 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Công ty dự kiến sẽ chi trả khoản chi phí trích trước này trước thời điểm quyết toán thuế TNDN nên không loại chi phí này khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Chuyển lỗ

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 49.321.326.926 VNĐ có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VNĐ					
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 31/12/2014	Số lỗ tính thuế không được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2014
2008	2013	94.430.567.580	(69.753.796.869)	(24.676.770.711)	-
2011	2016	129.456.680.868	(107.734.147.746)	-	21.722.533.122
2012	2017	27.598.793.804	-	-	27.598.793.804
		251.486.042.252	(177.487.944.615)	(24.676.770.711)	49.321.326.926

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản lỗ tính thuế ước tính phát sinh trong năm 2011 và 2012 có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai là 49.321.326.926 đồng. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế này do Công ty chưa chắc chắn về khả năng công ty sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế để sử dụng tài sản thuế này trong tương lai.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	105.232.112.806	1.537.097.408
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đơn vị)	34.979.987	34.979.987
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	3.008	44

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	173	157
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (đồng)		
1. Tổng quỹ lương thực chi	30.865.911.778	22.941.949.162
2. Tổng thu nhập	30.865.911.778	22.941.949.162
3. Tiền lương bình quân tháng (đồng/người)	14.867.973	12.177.255
4. Thu nhập bình quân tháng (đồng/người)	14.867.973	12.177.255

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

29.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Giá trị
Cổ đông lớn	Lãi tiền gửi	6.796.857.970
	Vay ngắn hạn	2.695.853.391.571
	Thanh toán vay ngắn hạn	2.636.721.110.589
	Lãi tiền vay	4.115.527.550
	Hoa hồng dịch vụ	5.018.304.915
Bên liên quan khác (*)	Thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư	47.556.781.853
	Thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư	125.000.000.000
	Chi phí lãi hợp tác đầu tư	5.818.055.555

(*) Các doanh nghiệp do các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết trong năm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Phải thu/(Phải trả)
Cổ đông lớn	Vay ngắn hạn	(83.132.280.982)
	Tiền gửi	9.775.783.514

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	TP.HCM (*)	Hà Nội	Nha Trang	Cần Thơ	VNĐ Tổng cộng
Doanh thu và thu nhập khác					
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	96.379.810.614	-	-	-	96.379.810.614
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	56.108.496.317	5.268.937.973	975.166.989	1.307.812.824	63.660.414.103
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	7.766.820.285	-	-	-	7.766.820.285
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn và đầu tư	6.338.938.256	397.727.273	-	-	6.736.665.529
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.887.064.282	334.750		332.737	3.887.731.769
- Doanh thu và thu nhập khác	46.574.659.912	3.091.304.208	572.512.208	924.210.133	51.162.686.461
TỔNG CỘNG	217.055.789.666	8.758.304.204	1.547.679.197	2.232.355.694	229.594.128.761
Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp	(111.922.726.764)	(8.660.733.646)	(1.479.888.551)	(2.298.666.994)	(124.362.015.955)
Tổng lãi/(lỗ)	105.133.062.902	97.570.558	67.790.646	(66.311.300)	105.232.112.806

(*) Trụ sở chính ở TP.HCM thực hiện chi trả một số chi phí hoạt động cho toàn Công ty nhưng không phân bổ tới các chi nhánh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.3 Các cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng cho trụ sở chính và chi nhánh dưới hình thức thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản thanh toán tiền thuê đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Dưới 1 năm	7.008.640.464	7.055.890.880
Từ 1 đến 5 năm	24.360.436.976	23.754.727.700
Trên 5 năm	403.470.038	6.393.625.744
TỔNG CỘNG	31.772.547.478	37.204.244.324

29.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và các khoản phải thu.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**
Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:
 - a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
 - c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.
- **Các khoản cho vay và phải thu:**
Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:
 - a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.
- **Tài sản sẵn sàng để bán:**
Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:
 - a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản vay và các khoản phải trả.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn. Giá trị hợp lý của đầu tư tài chính ngắn hạn vào cổ phiếu niêm yết là giá thị trường của các cổ phiếu tại ngày lập báo cáo này được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ				
	Chứng khoán kinh doanh	Cho vay và phải thu	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	315.516.672.633	315.516.672.633	315.516.672.633
Đầu tư tài chính ngắn hạn	152.792.400.716	-	-	152.792.400.716	-
Cổ phiếu niêm yết	107.150.376.641	-	-	107.150.376.641	108.630.407.960
Cổ phiếu chưa niêm yết	45.642.024.075	-	-	45.642.024.075	(*)
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	-	468.742.531.192	-	468.742.531.192	(*)
TỔNG CỘNG	152.792.400.716	468.742.531.192	315.516.672.633	937.051.604.541	
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	284.833.623.695	284.833.623.695	284.833.623.695
Phải trả người bán	-	-	364.385.438	364.385.438	364.385.438
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	69.206.784.606	69.206.784.606	69.206.784.606
Chi phí phải trả	-	-	2.846.797.514	2.846.797.514	2.846.797.514
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	391.534.536.994	391.534.536.994	391.534.536.994
TỔNG CỘNG	-	-	748.786.128.247	748.786.128.247	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể của Bộ Tài chính về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và nợ vay của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vì các khoản vay trong năm có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 108.630.407.960VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 27.633.583.200 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 10.863.040.796 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.763.358.320 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 10.863.040.796 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.763.358.320 VNĐ).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng hợp tác đầu tư và giao dịch ký quỹ.

Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty.

	Bất kỳ thời điểm nào	Đến 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	VND Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Vay ngắn hạn	-	271.133.623.695	13.700.000.000	284.833.623.695
Phải trả người bán	-	42.330.200	322.055.238	364.385.438
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	69.206.784.606	-	-	69.206.784.606
Chi phí phải trả	-	2.846.797.514	-	2.846.797.514
Các khoản phải trả, phải nộp khác	199.442.785.964	192.091.751.030	-	391.534.536.994
	268.649.570.570	466.114.502.439	14.022.055.238	748.786.128.247
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Vay ngắn hạn	-	127.272.409.000	125.000.000.000	252.272.409.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	63.574.062.482	-	63.574.062.482
Phải trả người bán	-	-	626.038.892	626.038.892
Chi phí phải trả	-	591.719.554	1.695.430.224	2.287.149.778
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.607.338.706	122.620.961.394	-	126.228.300.100
	3.607.338.706	314.059.152.430	127.321.469.116	444.987.960.252

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để tiếp tục tài trợ cho nhu cầu vốn của Công ty.

Các khoản đảm bảo

Công ty có cầm cố, thế chấp các chứng khoán tự doanh gồm 680.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB) và 900.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (BHV) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty nắm giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015